

Số: /TBHH-CVHHQNh

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Quy Nhơn

Vùng biển: Gia Lai.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Xét Đơn đề nghị số 1031/ĐĐN-XNKSBĐATHHMN ngày 21/9/2026 của Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc công bố thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Quy Nhơn (lần 2) năm 2026.

Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Quy Nhơn như sau:

1. Trong phạm vi đáy luồng từ phao báo hiệu hàng hải (BHHH) số “0” đến hết vũng quay tàu, chiều rộng 140 m, chiều dài 8,56 km, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”:

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến phao BHHH số “1” +370 m có chiều dài khoảng 2,4 km, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,0 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “1” +370 m đến phao BHHH số “3” +65 m có chiều dài khoảng 1,1 km:

+ Dải cạn bắt đầu từ phao số 1 + 370 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 130 m, lún luồng nơi xa nhất khoảng 20 m, điểm có độ sâu nhỏ nhất 12,3 m;

+ Xuất hiện rải rác các điểm có độ sâu nhỏ hơn 13,0 m ở biên phải luồng, tại vị trí có tọa độ.

Độ sâu (m)	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
12,9	13°44’22,2”N	109°14’56,6”E	13°44’18,5”N	109°15’03,1”E
12,6	13°44’31,8”N	109°14’54,8”E	13°44’28,1”N	109°15’01,3”E

Ngoài dải cạn và các điểm cạn trên, độ sâu trên trục luồng đạt từ 13,0 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “3” + 65 m đến phao BHHH số “3A” + 210 m có chiều dài khoảng 1,1 km:

+ Các dải cạn có độ sâu nhỏ hơn 13,0 m ở hai bên luồng kéo dài suốt chiều dài của đoạn luồng, mở rộng và lấn toàn bộ chiều rộng luồng ở đoạn giữa luồng dài khoảng 310 m, điểm có độ sâu nhỏ nhất 12,4 m nằm sát biên phải luồng.

+ Điểm cạn bên biên phải luồng, tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,9	13°45’06,8”N	109°14’47,9”E	13°45’03,1”N	109°14’54,4”E

Độ sâu trên tim đoạn luồng này đạt 12,8 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “3A” + 210 m đến phao BHHH số “15” + 500 m có chiều dài khoảng 3,5 km:

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ phao BHHH số “8” + 150 m, kéo dài khoảng 1,4 km về phía thượng lưu, lấn luồng nơi xa nhất khoảng 40 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,2 m;

+ Dải cạn bên phải luồng, bắt đầu từ hạ lưu đăng tiêu BHHH số “13” – 330 m, kéo dài khoảng 260 m về phía thượng lưu, lấn luồng xa nhất khoảng 20 m, điểm cạn nhất đạt 12,6 m;

+ Xuất hiện rải rác các điểm cạn, dải cạn có độ sâu nhỏ hơn 13,0 m hai bên luồng, tại vị trí có tọa độ theo bảng sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
12,9	13°45’40,8”N	109°14’47,2”E	13°45’37,1”N	109°14’53,7”E
12,3	13°45’41,3”N	109°14’49,2”E	13°45’37,6”N	109°14’55,7”E
12,8	13°45’44,7”N	109°14’48,0”E	13°45’40,9”N	109°14’54,5”E
12,8	13°45’49,8”N	109°14’46,4”E	13°45’46,1”N	109°14’52,9”E
12,8	13°46’11,0”N	109°15’08,3”E	13°46’07,3”N	109°15’14,8”E
12,4	13°46’19,1”N	109°15’10,2”E	13°46’15,4”N	109°15’16,7”E
12,7	13°46’23,2”N	109°15’07,8”E	13°46’19,4”N	109°15’14,3”E
12,8	13°46’33,3”N	109°15’03,3”E	13°46’29,6”N	109°15’09,7”E
12,7	13°46’35,9”N	109°14’59,8”E	13°46’32,2”N	109°15’06,3”E
12,8	13°46’39,8”N	109°14’57,7”E	13°46’36,1”N	109°15’04,2”E
12,8	13°46’43,1”N	109°14’58,2”E	13°46’39,4”N	109°15’04,7”E
12,9	13°46’44,5”N	109°14’55,7”E	13°46’40,7”N	109°15’02,2”E
12,6	13°46’45,7”N	109°14’51,7”E	13°46’42,0”N	109°14’58,2”E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
12,8	13°46'47,2"N	109°14'55,5"E	13°46'43,5"N	109°15'02,0"E
12,6	13°46'49,1"N	109°14'53,9"E	13°46'45,3"N	109°15'00,4"E

Ngoài các dải cạn trên, độ sâu trên trục luồng đạt từ 12,8 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “15” + 500 m đến hết vũng quay tàu, có chiều dài khoảng 400 m, độ sâu nhỏ nhất 11,5 m, tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,5	13°46'59,2"N	109°14'46,9"E	13°46'55,5"N	109°14'53,4"E

2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính 400 m, tâm tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
“O”	13°46'58,9"N	109°14'44,5"E	13°46'55,2"N	109°14'50,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 11,5 m.

3. Trong phạm vi khảo sát luồng vào khu neo đậu Đầm Thị Nại: Từ thượng lưu vũng quay tàu phía trước Cầu cảng số 1 – Bến cảng Quy Nhơn vào đến hết phạm vi khu neo đậu đầm Thị Nại (tại khu vực Hòn Tháp) sử dụng chung với khu nước bố trí các điểm neo đậu tàu và được phân định thành 02 lối ra, vào nằm đối xứng 02 bên trục tâm các điểm neo đậu có chiều dài 2,1 km, chiều rộng luồng 80 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1. Tìm tuyến luồng phía bên trái khu neo đậu				
TN1'	13°46'53,9"N	109°14'47,9"E	13°46'50,2"N	109°14'54,4"E
TN2'	13°47'12,8"N	109°14'23,2"E	13°47'09,0"N	109°14'29,7"E
TN3'	13°47'19,8"N	109°14'13,3"E	13°47'16,0"N	109°14'19,8"E
TN4	13°47'26,7"N	109°14'10,3"E	13°47'23,0"N	109°14'16,8"E
TN5	13°47'37,2"N	109°14'06,9"E	13°47'33,5"N	109°14'13,3"E
TN6	13°47'46,4"N	109°14'06,2"E	13°47'42,7"N	109°14'12,7"E
TN7	13°47'48,8"N	109°14'08,4"E	13°47'45,1"N	109°14'14,9"E

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
2. Tìm tuyến luồng phía bên phải khu neo đậu				
TN8	13°47'46,7"N	109°14'10,9"E	13°47'43,0"N	109°14'17,4"E
TN9	13°47'38,1"N	109°14'11,6"E	13°47'34,3"N	109°14'18,0"E
TN10	13°47'28,4"N	109°14'14,7"E	13°47'24,7"N	109°14'21,2"E
TN11'	13°47'25,8"N	109°14'15,8"E	13°47'22,0"N	109°14'22,3"E
TN12'	13°47'14,1"N	109°14'24,2"E	13°47'10,3"N	109°14'30,7"E
TN13'	13°47'07,9"N	109°14'31,0"E	13°47'04,2"N	109°14'37,4"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 3,1 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải qua luồng hàng hải Quy Nhơn căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn.

Ghi chú:

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ QN_092026_01_03 đến QN_092026_03_03, tỷ lệ 1/5.000 do đặc hoàn thành tháng 9/2026, được Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam cung cấp (đính kèm). Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu, thông tin do đơn vị cung cấp theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết về số liệu độ sâu, đề nghị liên hệ với Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Tổng Công ty BĐATHH Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải miền Nam;
- CN Công ty TNHH MTV HTHH miền Nam – Hoa tiêuVII;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Đài thông tin duyên hải Quy Nhơn;
- BCH Quân sự tỉnh Gia Lai;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Phòng CSGT Công an tỉnh Gia Lai;
- Chi cục thủy sản tỉnh Gia Lai;
- UBND Phường Quy Nhơn;
- Website Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Phòng ATANHH;
- Lưu VT, QLKCHT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Thế Quang